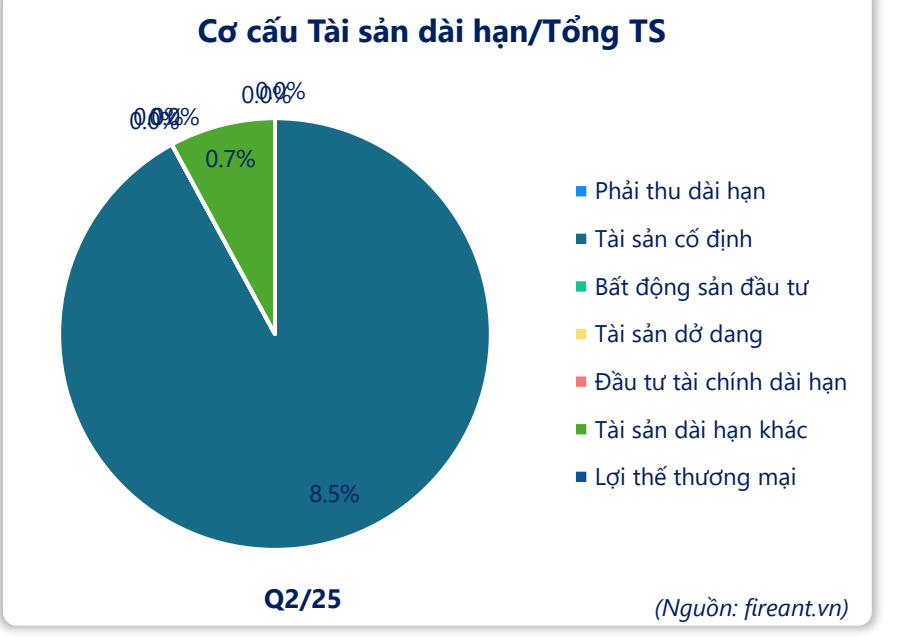
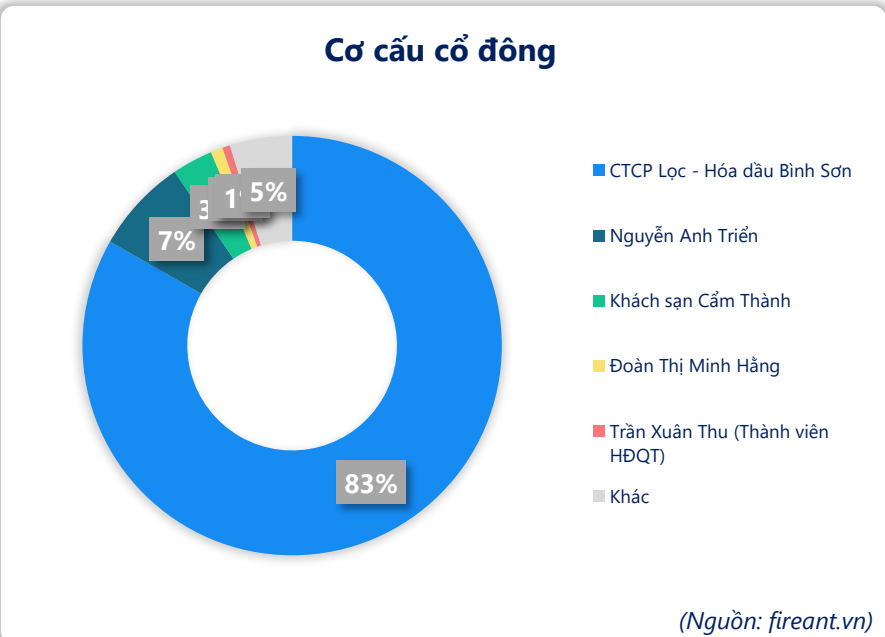
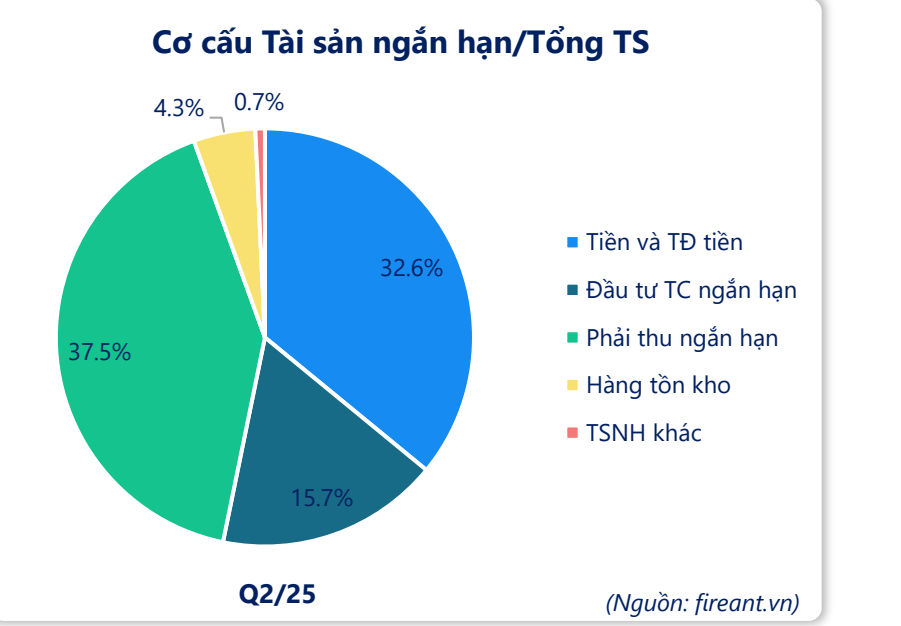
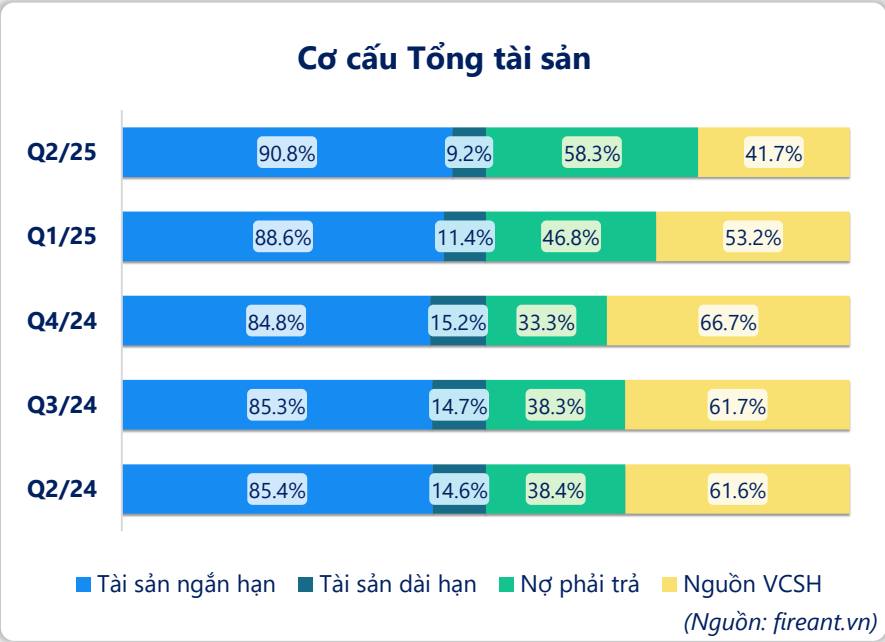
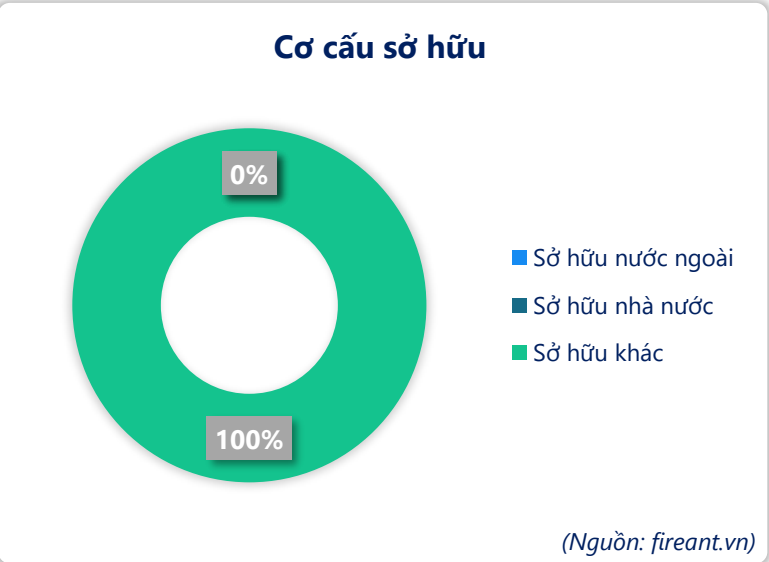
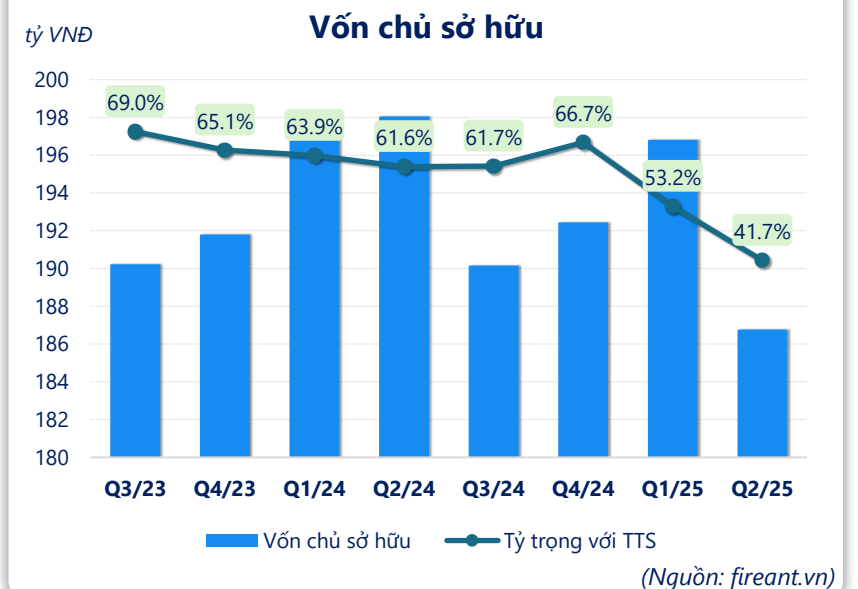
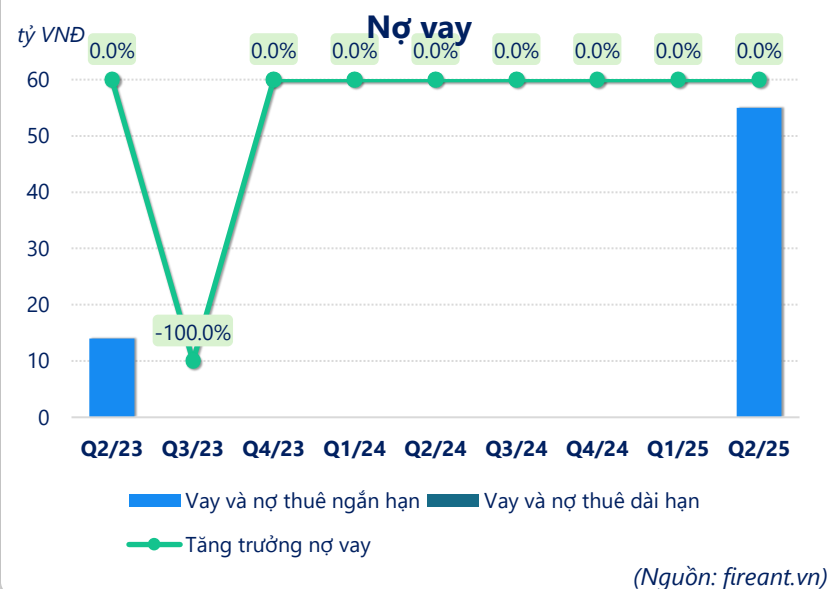
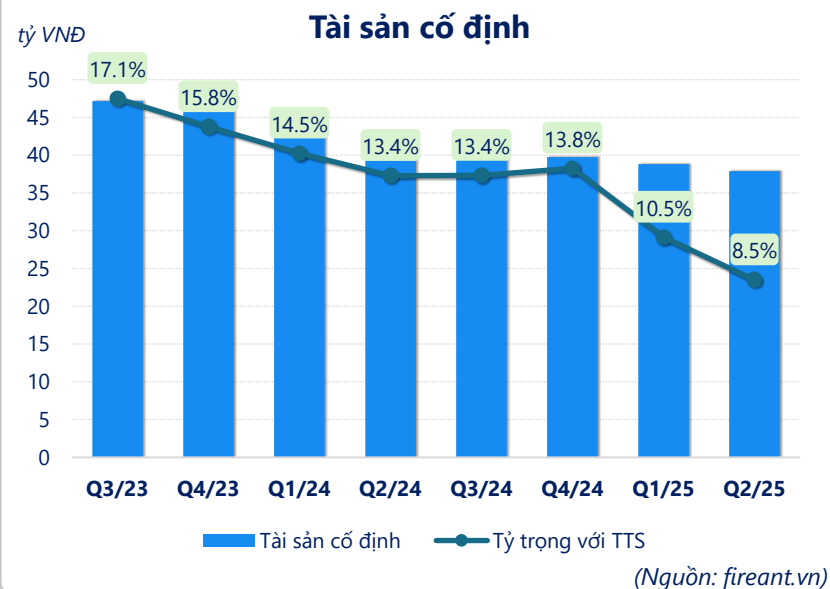
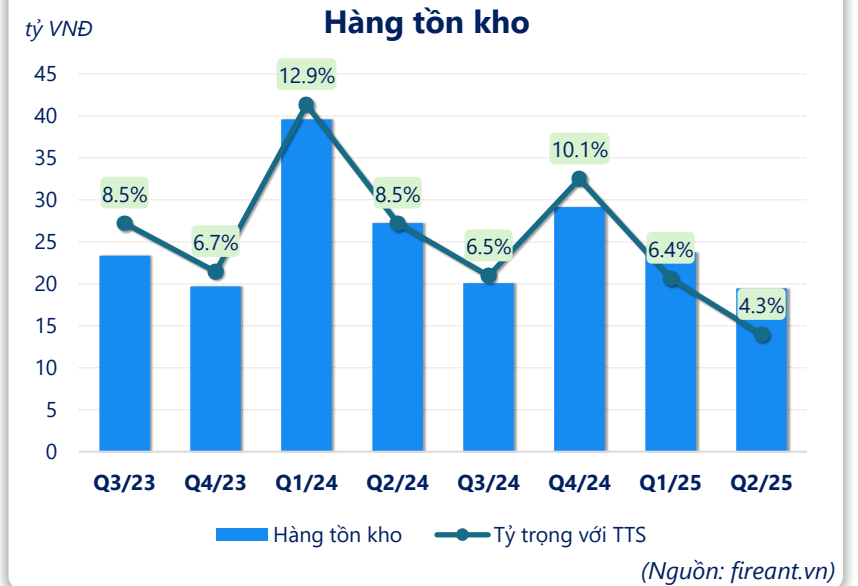
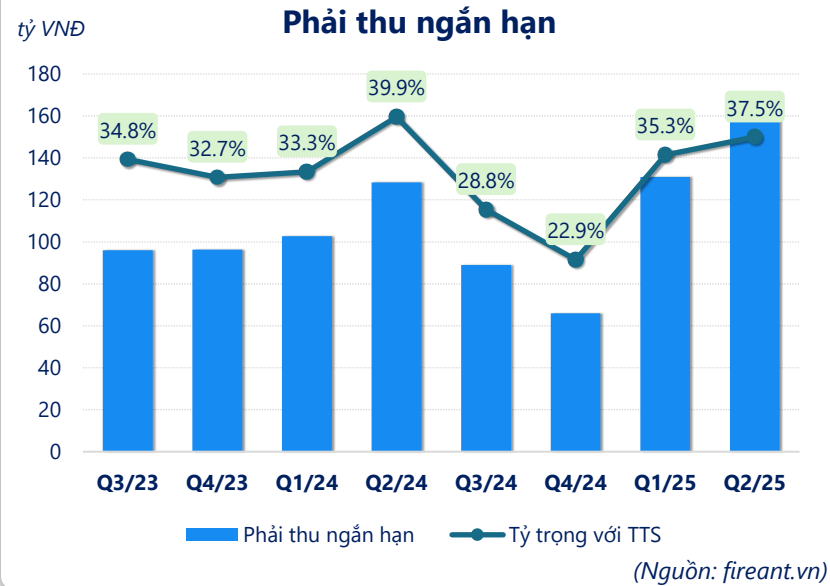
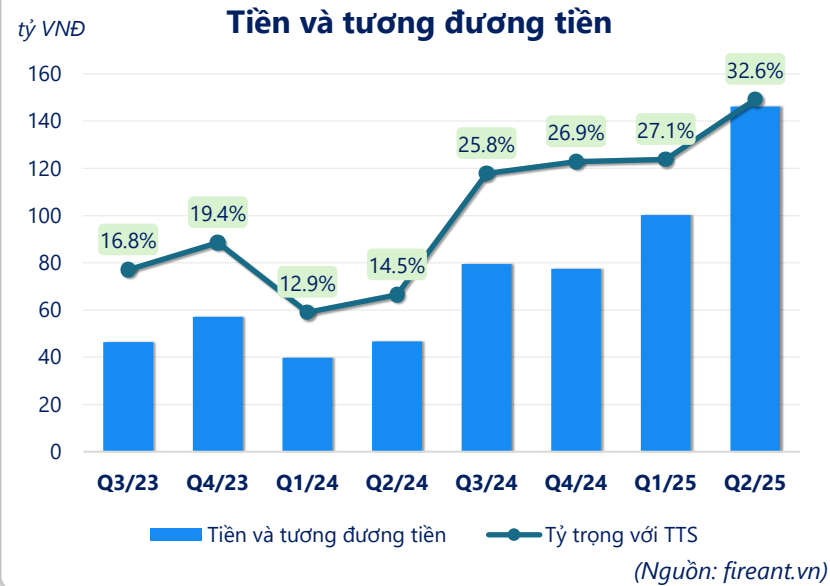
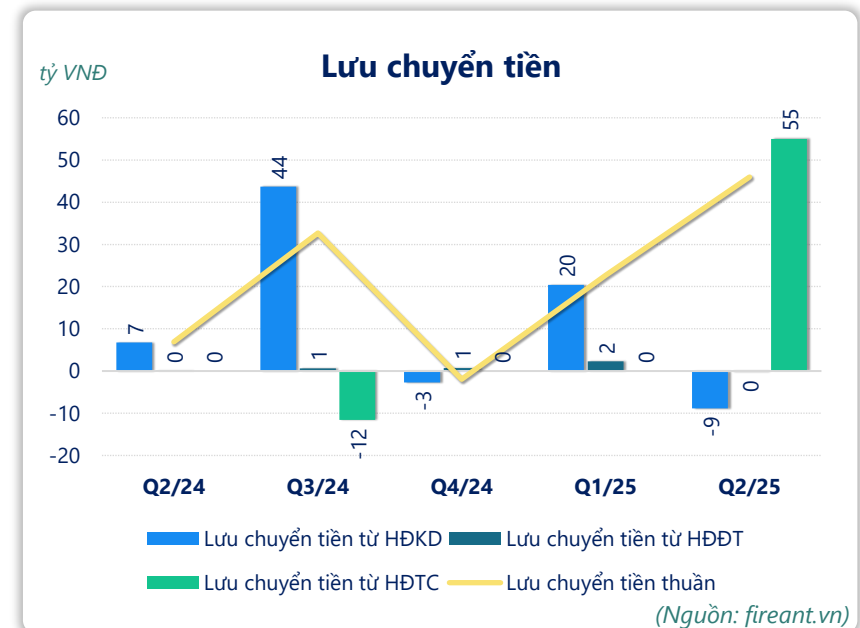
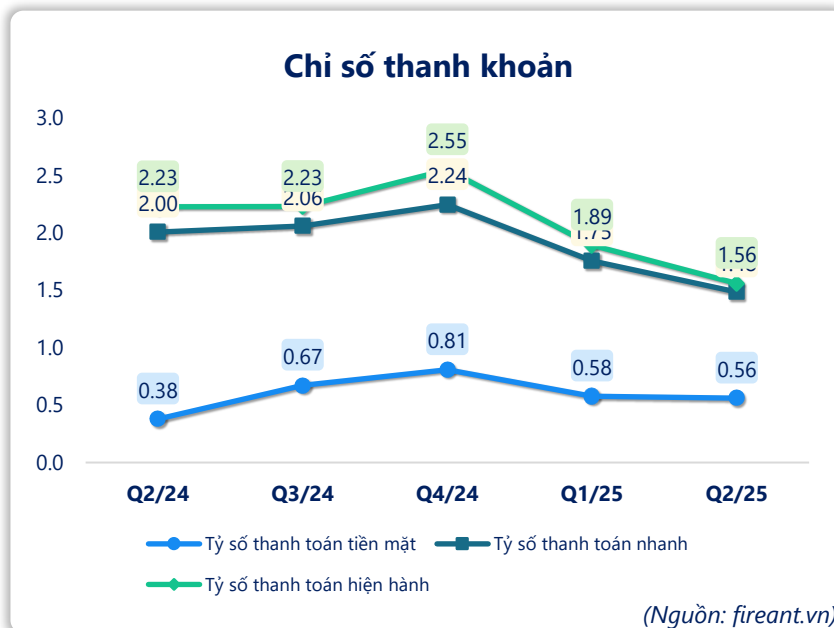
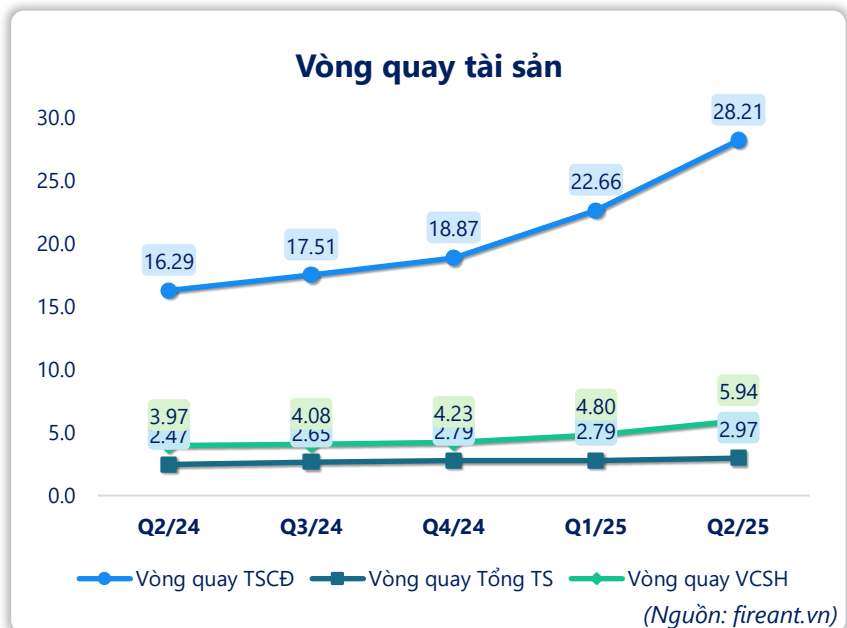
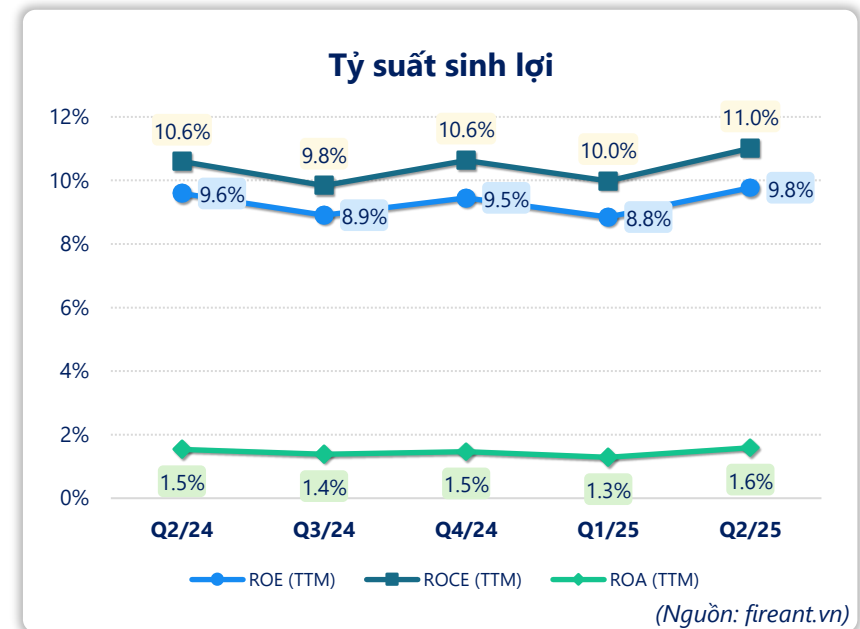
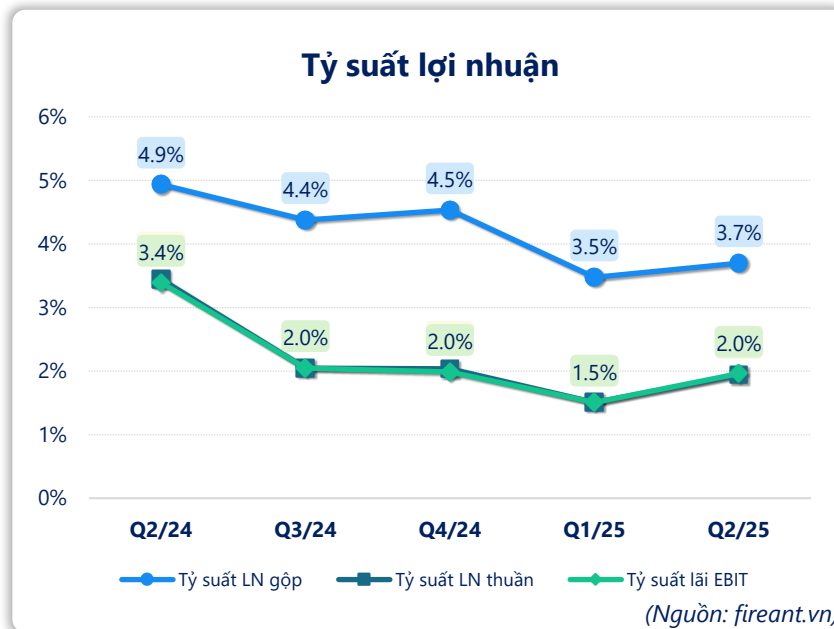
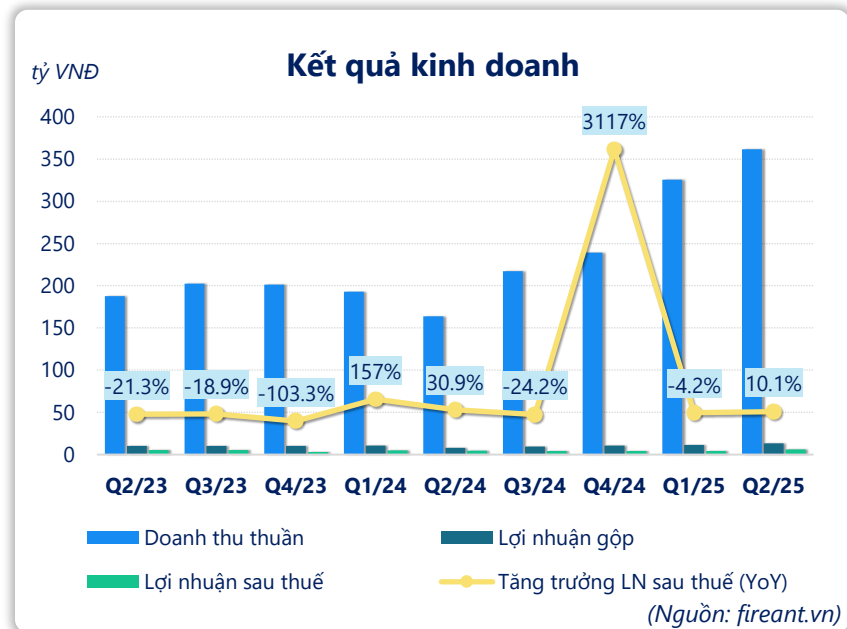


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,768
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,416
SL cổ phiếu LH		17,522,284
KLGD BQ 20 phiên (CP)		395
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		244
P/E		13.0
EPS		1,073

	YTD	1T	3T	6T
PBT	81.4%	17.1%	5.2%	81.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	448	289	55.2%
Tài sản ngắn hạn	407	245	66.3%
Tiền và tương đương tiền	146	77.5	88.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.3	70.3	0.0%
Phải thu ngắn hạn	168	66.0	154%
Hàng tồn kho	19.4	29.2	-33.3%
Tài sản ngắn hạn khác	2.99	1.71	75.5%
Tài sản dài hạn	41.1	43.9	-6.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	37.9	39.7	-4.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.26	4.19	-22.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	261	96.1	172%
Nợ ngắn hạn	261	96.0	172%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	169	84.7	98.9%
Nợ dài hạn	0.07	0.07	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	187	192	-3.0%
Vốn chủ sở hữu	187	192	-3.0%
Vốn điều lệ	175	175	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	164	217	239	326	362
Giá vốn hàng bán	156	208	228	314	348
Lợi nhuận gộp	8.09	9.51	10.8	11.3	13.4
Doanh thu HĐTC	0.90	0.97	1.27	1.25	1.77
Chi phí TC	0.00	0.01	0.00	0.01	0.07
Chi phí lãi vay	0.00	0	0	0	0.07
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.12	1.29	1.22	1.31	1.45
Chi phí QLDN	2.22	4.74	6.00	6.34	6.60
LN thuần từ HĐKD	5.65	4.45	4.87	4.90	7.02
Lợi nhuận khác	-0.09	0.00	-0.12	0	0
LN trước thuế	5.56	4.45	4.75	4.90	7.02
Lợi nhuận sau thuế	4.73	4.04	4.28	4.37	6.11
LNST của CĐ cty mẹ	4.73	4.04	4.28	4.37	6.11

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.79	43.7	-2.67	20.4	-8.85
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.10	0.61	0.74	2.26	-0.19
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-11.6	0	0	55.0
Tiền đầu kỳ	39.8	46.7	79.4	77.5	100
Lưu chuyển tiền thuần	6.89	32.7	-1.93	22.7	46.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.07	0	0.02	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	46.7	79.4	77.5	100	146

(Nguồn: fireant.vn)